

Hộ gia đình nông dân trong hoạt động thủy nông từ sau khoán 10

(qua nghiên cứu ở làng Đào Xá, xã An Bình,
Nam Thanh, Hải Hưng)

MAI VĂN HAI

Với khoán 10, hộ gia đình nông dân được xác nhận trở lại là đơn vị kinh tế tự chủ. Điều này có nghĩa là, một khung tổ chức lao động ấy sau mấy chục năm được hợp tác xã bao cấp nay phải tự lo mọi khâu trong qui trình sản xuất, trong đó có việc đảm bảo nguồn nước tưới tiêu cho cây trồng - khâu cốt yếu nhất của sản xuất nông nghiệp, thể hiện nhiều mối quan hệ về chính trị - xã hội của cộng đồng cư dân nông nghiệp.

Dựa vào những tư liệu điều tra xã hội học tại làng Đào Xá, xã An Bình, huyện Nam Thanh, tỉnh Hải Hưng trong hai giai đoạn trước và sau khoán 10, bài viết mong muốn góp phần làm sáng tỏ thêm những vấn đề được đặt ra trong hoạt động thủy nông ở hộ gia đình nông dân.

I

Nhiều người đã biết, trong thời kỳ hợp tác xã bao cấp, nhất là thời kỳ hợp tác xã được đưa lên qui mô toàn xã, hộ gia đình nông dân không có vị trí, đúng hơn là đã bị gạt khỏi hệ thống tổ chức thủy nông. Các công việc này đã có đội thủy nông đảm nhận và phân công cho các nhóm hoặc một số thành viên đảm nhiệm.

Trên địa bàn nghiên cứu, ngoài các đội chuyên khác như đội chăn nuôi, đội ngành nghề, đội khoa học kỹ thuật, hợp tác xã An Bình tổ chức ra 10 đội sản xuất và 1 đội thủy nông. Đội thủy nông ở đây được chia thành 3 cụm, bao gồm 10 tổ, mỗi tổ phụ trách tưới tiêu cho một đội sản xuất. Mặc dầu về mặt nhân sự số lao động của đội thủy nông chỉ bằng 1/10 số lao động của một đội sản xuất, nhưng đội thủy nông được xếp ngang hàng với các đội sản xuất. Tuy cùng chịu sự lãnh đạo của Ban quản trị, nhưng các đội sản xuất và đội thủy nông hoạt động độc lập với nhau. Đội thủy nông không trực tiếp tham gia vào các công việc cày bừa, gieo cấy. Nó chỉ chuyên lo bảo đảm nguồn nước cho các hoạt động đó. Khi các đội sản xuất có nhu cầu về tưới hoặc tiêu, họ không được phép gọi đội thủy nông, mà phải báo cáo với Ban quản trị của hợp tác xã, để Ban quản trị điều đội thủy nông đến giải quyết. Có thể hình dung cơ cấu tổ chức và phương thức hoạt động của các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp trong giai đoạn này giống như trong các nhà máy hoặc xí nghiệp của nhà nước, trong đó Ban quản lý là Ban giám đốc, các đội trưởng sản xuất, ngành nghề, chăn nuôi, thủy nông.. là các quản đốc hay đốc công, còn người nông dân xã viên là công nhân trong các phân xưởng đã được "chuyên môn hóa".

Song, ý tưởng chuyên môn hóa đối với hoạt động thủy nông là rất xa lạ với tập quán canh tác lâu đời của nghề trồng lúa nước. Khi chưa có hợp tác xã, việc tưới tiêu trên các thửa ruộng chủ yếu vẫn là công việc của các thành viên trong mỗi hộ gia đình nông dân. Sớm chiều trực Liếp lâm tụng trên mảnh ruộng của nhà mình, nên từng người nông dân là chủ thửa ruộng đó hiểu rõ hơn ai hết những đòi hỏi về nước của cây trồng tại các thời điểm sinh trưởng và phát triển của chúng. Còn với chỉ một đội thủy nông chuyên trách, thì dù các nông gia viên có cố gắng đến đâu cũng không thể nắm vững và đáp ứng được tường tận nhu cầu về nước của từng thửa ruộng của cả 10 đội sản xuất trong toàn hợp tác xã. Ở Đào Xá giai đoạn này có khoảng 150 hộ với 250 lao động, nhưng chỉ có một tổ thủy nông gồm 2 người, phụ trách tưới tiêu cho gần 100 mẫu ruộng (Bắc Bộ), còn cả 150 hộ gia đình với 248 người còn lại kia, thì, vì không phải trách nhiệm của họ, nên chẳng ai lo đến chuyện nước ít hay nhiều, ruộng khô hay cạn, và cây trồng đang phát triển thế nào. Cách tổ chức sản xuất theo ý tưởng chuyên môn hóa đó, vô hình trung, đã *tách công việc thủy lợi ra khỏi hoạt động sản xuất nông nghiệp, tách các hộ gia đình và tuyệt đại đa số người nông dân ra khỏi khâu tưới tiêu trên đồng ruộng.*

II

Từ khi thực hiện khoán 10, với tư cách là một đơn vị kinh tế tự chủ, bên cạnh việc phải tự lo làm đất, gieo trồng, chăm bón và thu hoạch trên phần ruộng đã được giao quyền sử dụng lâu dài của mình, các hộ gia đình nông dân còn phải trực tiếp "lo việc nước" cho các loại cây trồng trên phần ruộng đó.

Sự thay đổi như vậy đang buộc người nông dân phải bố trí lại lực lượng lao động trong gia đình mình. Ở Đào Xá, các hộ gia đình phần lớn là gia đình hai thế hệ, trong đó vợ và chồng là những lao động chính. Họ đều có vai trò quan trọng trong quá trình sản xuất, đặc biệt trong khâu thủy lợi. Trả lời câu hỏi "Ai là người lo toan chính trong việc tưới và tiêu cho ruộng của gia đình?" trong tổng số người được phỏng vấn có 37,5% nói là do người vợ, 41,07% nói là do người chồng; 5,30% nói là do con cái và 16,07% nói là cả nhà cùng lo.

Về công cụ phục vụ tưới tiêu, một hiện tượng đáng lưu ý là, mặc dù hệ thống mương máng tưới tiêu ở Đào Xá và An Bình cũng như trong vùng hiện nay là khá hoàn thiện, tạo điều kiện cho việc dùng máy bơm để đưa nước vào ruộng, nhưng hầu như tất cả các hộ gia đình nông dân vẫn *sử dụng chiếc gầu giai truyền thống*. Trả lời câu hỏi "vì sao gia đình không sử dụng máy bơm nước?" có 35,71 % ý kiến của những người được phỏng vấn nói không đủ tiền mua; nhưng có đến 76,78% cho là gia đình "không có nhu cầu dùng máy bơm". Theo chúng tôi, đây là "phương án tối ưu" mà người nông dân đã lựa chọn. Cũng như việc thành lập các nhóm trên, tức 2-3, thậm chí 5-7 gia đình muốn chung nhau một con trâu để cày kéo, không nên nghĩ đó là do người nông dân quá nghèo, không đủ sức mua cho gia đình mình một con trâu, cái chính là do họ đã tính toán khá kỹ về mặt kinh tế để đi đến việc quyết định liên kết với nhau trong việc nuôi chung trâu. Việc không dùng máy bơm nước cũng vậy: bóng điều kiện năng suất trong sản xuất nông nghiệp chưa cao, bình quân ruộng đất thấp, và nhất là tình trạng thừa lao động thiếu việc làm ở nông thôn, người nông dân cũng phải cân nhắc kỹ có nên mua máy bơm nước hay không. Và lại, việc lấy nước hiện nay không còn quá vất vả như xưa, mà chỉ đơn giản là dùng chiếc gầu tát nước từ mương cấp 3 lên ruộng, trẻ con người già cũng có thể làm được. Cho nên, chưa kể đến các hộ nghèo, ngay cả nhóm hộ gia đình cỡ mức sống khá giả hay các hộ có người làm cán bộ ở

địa phương cũng cho rằng trong điều kiện hiện nay, họ không cần dùng đến máy bơm nước (94,73% và 100%).

Vậy là với chiếc gầu giai truyền thống, mọi thành viên trong các gia đình nông dân, không phân biệt là cha mẹ hay con cái, đều hiệp sức với nhau để lo việc tưới tiêu trên phần ruộng đã được giao quyền sử dụng lâu dài của mình. Điều nay là nét mới so với thời bao cấp. Như đã trình bày, trong thời kỳ bao cấp, Đào Xá chỉ có một tổ thủy nông với hai nông giang viên, chịu trách nhiệm toàn bộ về việc tưới và tiêu cho gần 100 mẫu (Bắc Bộ) ruộng đất canh tác của cả làng. Còn hiện nay Đào Xá có 192 hộ và 291 lao động (chưa kể lao động phụ), với số ruộng đất không nhiều hơn, nhưng có thể nói cả 192 hộ đã trở thành 192 "tổ thủy nông" và 291 lao động trở thành 291 "nông giang viên". Nghĩa là, so với trước đây hiện nay số "tổ thủy nông" của Đào Xá đã tăng lên 192 lần và số "nông giang viên" tăng 145 lần.

Các con số đó tự nó đã nói lên vai trò quan trọng của các hộ gia đình nông dân trong hoạt động thủy nông hiện nay ở làng xã. Với quyền tự chủ trong việc tổ chức sản xuất, *hộ gia đình và mỗi người nông dân được trả lại quyền kiểm soát về quyền thực thi việc tưới tiêu trên đồng ruộng như nó đã từng tồn tại trước đây trong lịch sử, giải quyết một cách hợp lý nhất việc tưới tiêu và cấy trồng trong phạm vi của gia đình, nâng cao hiệu quả cho mùa vụ.*

Đến đây, một câu hỏi có thể được đặt ra: vậy trong cơ chế mới, khi không còn lại sự bao cấp về tưới và tiêu như dưới thời hợp tác xã, các hoạt động thủy nông của các hộ gia đình có quay trở lại "hiện trạng cũ" hay không?

Chúng tôi cho rằng, từ khi thực hiện khoán 10, nghĩa là không còn sự bao cấp về tưới và tiêu mỗi hộ gia đình nông dân đều phải tự tổ chức lấy việc tưới tiêu cho phần ruộng của mình, xong việc "tự lo" này không phải hoàn toàn lặp lại tình trạng làm thủy nông của người nông dân khi chưa có hợp tác xã. Vì rằng, *về nguồn nước*, nếu xưa kia, khi chưa có hợp tác xã trước khi tát nước lên ruộng, người nông dân phải khơi mương, lập tàu tát và đắp bờ nong để dẫn nước, thì giờ đây, nguồn nước đó đã có trạm bơm và hệ thống mương máng đưa đến tận chân ruộng của mỗi hộ gia đình. *Về mặt quan hệ xã hội*, nếu xưa kia hoạt động thủy nông chỉ là công việc đơn lẻ của từng hộ gia đình, hoặc cao hơn là sự liên kết của hộ với một số hộ họ hàng hoặc bà con lối xóm, thì giờ đây, ngoài tất cả các khả năng đó, đằng sau các hộ gia đình còn có cả đội ngũ của những người làm thủy nông trong hệ thống thủy nông cơ sở là đội thủy nông của hợp tác xã và công ty thủy nông của huyện hỗ trợ.

III

Tuy nhiên, sự tham gia vào các hoạt động thủy nông của các hộ gia đình nông dân cũng không phải không kéo theo những bất cập nhất định.

Trước hết, với tư cách là người tự chủ trong sản xuất, từ sau khoán 10, mỗi hộ gia đình đều có *quyền quyết định* việc gieo trồng trên phần ruộng của mình. Trên thực tế, các hộ gia đình nông dân, trong cùng một vụ; đã gieo trong nhiều giống lúa hoặc màu khác nhau. Trả lời câu hỏi tại sao ông <bà> đã gieo trồng nhiều giống lúa hoặc màu trong cùng một vụ?" có 44,64% số người được hỏi ý kiến cho rằng vì các mảnh ruộng của họ cổ độ cao thấp khác nhau; 35,71 % cho rằng làm như thế họ có thể quay vòng nhanh; 3,75% cho rằng vì họ ít lao động, phải làm như thế mới kịp thời vụ; 62,50% cho rằng họ phải gieo trồng nhiều loại để nếu mất mùa loại này thì còn loại kia; 66,07% cho rằng do giá cả thị trường

thất thường nên không dám trồng một loại và 64,28% cho là do thói quen làm theo người khác chứ không tính toán gì...

Đây cũng là một nét khác biệt so với thời bao cấp. Ở thời bao cấp, với sự chỉ - đạo sản xuất một cách tập trung của Ban quản trị, nhiều khi cả một cánh đồng rộng, lớn người ta chỉ gieo trồng một thứ lúa hoặc màu có cùng một chế độ nước. Như vậy, với phương thức canh tác của các hộ gia đình nông dân hiện nay, chế độ sử dụng nguồn nước trước tiên ở địa phương đã trở nên đa dạng, và do đó phức tạp hơn rất nhiều so với thời bao cấp.

Nhưng chưa hết. ông Nguyễn Danh Tân, 55 tuổi, đội trưởng đội thủy nông của hợp tác xã cho biết: việc tự chủ trong sản xuất của các hộ gia đình nông dân, trong thực tế, đang gây ra khá nhiều khó khăn cho đội thủy nông. Chẳng hạn, việc nuôi chung trâu ở địa phương, đối với các hộ gia đình là thuận tiện, thi, dưới góc độ của người phụ trách thủy nông, lại là bất tiện. Bởi lẽ: một con trâu không thể cùng lúc kéo cày ở nhiều nơi, nên vào mùa đổ ải, tức là lúc Hợp tác xã cho bơm nước đại trà, nhiều khi các nông gia viên đã đưa nước vào ruộng, nhưng không có trâu cày đành bỏ phí, hôm sau lại phải đổ nước vào ruộng đó cho dân cày - có một số hộ gia đình, vì quyền lợi cá nhân, đã không chấp hành các quy định của đội thủy nông, tự động phá bờ của một số mương máng để lấy nước. Những bờ thừa bờ vùng trước đây to rộng, có thể đi xe đạp mỗi khi thăm đồng, nhưng để tăng thêm một ít đất gieo trồng, nhiều gia đình đã cho bót đi, làm những con bờ này ngày càng nhỏ dần, rất dễ rò rỉ mỗi khi cần dẫn hoặc giữ nước. Trong làng, cũng có người vẫn lấy nước trên các mương máng của Hợp tác xã, nhưng không chịu đóng thủy lợi phí. Ở An Bình, theo các cán bộ thủy nông cho biết, số thóc thủy lợi phí mà các hộ nông dân còn nợ đọng đến hơn 100 tấn, nhưng hợp tác xã vẫn chưa thu được. Những vi phạm như thế chưa hề có quy chế xử lý làm người phụ trách thủy nông cũng chưa có cách nào giải quyết. Nếu xử lý căng với họ, rất dễ bị một vài người quá khích trả thù như nhổ cây hoặc cắt ngang thân các loại hoa màu của cán bộ thủy nông. Bởi thế, không có cán bộ nào dám làm đến nơi đến chốn.

Với mong muốn góp phần làm sáng tỏ thực trạng đổi mới kinh tế - xã hội ở nông thôn, làm cơ sở khoa học cho các chính sách xã hội đối với nông thôn, nông nghiệp và người nông dân, ở trên chúng tôi đã trình bày về những ảnh hưởng (cả tích cực và tiêu cực) của hộ gia đình nông dân đồng bằng sông Hồng đối với hoạt động thủy nông ở cơ sở hiện nay. Đây là một phần được tính ra từ công trình nghiên cứu "Thủy lợi và quan hệ làng xã" mà chúng tôi đã tiến hành ở làng Đào Xá (thuộc xã An Bình, huyện Nam Thanh, tỉnh Hải Hưng). Những vấn đề được trình bày chi mới dừng lại ở sự so sánh về vị trí và vai trò của hộ gia đình nông dân trong hai thời kỳ trước và sau khoán 10, ở mối liên hệ giữa hoạt động tưới tiêu và một lĩnh vực hoạt động sản xuất của người nông dân là trồng trọt.

Cố nhiên là tác động của hộ gia đình nông dân đến hoạt động thủy nông còn liên quan tới nhiều vấn đề cổ ý nghĩa xã hội khác, như vấn đề quá độ từ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp sang cơ chế thị trường trong hoạt động thủy nông, vấn đề qui mô tổ chức và quản lý thủy nông cơ sở, vấn đề quan hệ giữa nhà nước - hộ gia đình nông dân và hợp tác xã, vấn đề thủy lợi phí... mà chúng tôi không thể gói gọn trong một bài báo. Hy vọng những vấn đề này sẽ tiếp tục được giới thiệu với bạn đọc của Tạp chí Xã hội học trong những dịp tiếp theo.